TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CAO LỘC** **TỈNH LẠNG SƠN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 30/01/2018
V/v : Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản khi ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAO LỘC, TỈNH LẠNG SƠN

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Bạch Ánh Tuyết

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trịnh Như Thoa
2. Ông Lưu Văn Viên

***- Thư ký phiên toà*:** Bà Hoàng Thị Thào – Thư ký Toà án nhân dân huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa: Bà Đào Thị Minh Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 01 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 97/2017/TLST- HNGĐ, ngày 27 tháng 11 năm 2017 về việc ly hôn và tranh chấp nuôi con chung theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2018/QĐXXST-HNGĐ, ngày 16 tháng 01 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nông Thị T, sinh năm 1990. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn B, xã G, huyện C, tỉnh Lạng Sơn; chỗ ở hiện nay: Thôn B, xã H, huyện L, tỉnh Lạng Sơn "có mặt"

2. Bị đơn: Anh Ngô Đình L, sinh năm 1989. Địa chỉ: Thôn B, xã G, huyện C, tỉnh Lạng Sơn "có mặt".

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn ông Nguyễn Trọng H- Luật sư – Văn phòng luật sư H thuộc đoàn luật sư tỉnh Lạng Sơn "có mặt"

Người có nghĩa vụ liên quan bà Bế Thị N, sinh năm 1965. Địa chỉ: Thôn B, xã H, huyện L, tỉnh Lạng Sơn "có mặt"

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn đề ngày 16/11/2017 nộp tại Tòa án ngày 20/11/2017, bản tự khai tại Tòa án và tại phiên tòa nguyên đơn chị Nông Thị T trình bày:

Chị Nông Thị T và anh Ngô Đình L lấy nhau trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn tại ủy ban nhân dân xã G, huyện C, tỉnh Lạng Sơn ngày 25/11/2015 và được hai bên gia đình tổ chức cưới theo phong tục tập quán địa phương vào ngày 08/12/2015. Sau khi kết hôn, thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc và có với nhau một người con chung. Đến tháng 02/2017 thì xảy ra mâu thuẫn do anh L có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác, thường xuyên tụ tập ăn uống, say rượu và có hành vi đánh đập chị T trong khi chị T mới sinh con (sinh mổ) được 28 ngày. Chị T có khuyên bảo nhiều lần nhưng anh L không thừa nhận mình có quan hệ với người phụ nữ khác và tiếp tục đánh đập chị T, đập phá đồ đạc trong gia đình, cầm dao dọa nạt, thách thức chị T. Biết được tin bố mẹ của chị T có đến gia đình anh L và có lời khuyên nhủ các con và xin phép gia đình nhà anh L đón chị T về chăm sóc sau khi chị T sinh con được 35 ngày. Chị T về bên ngoại ở được một thời gian ngắn thì anh L lại gọi về, nhưng khi chị T về nhà được 3 đến 4 hôm thì anh L lại viện cớ đi có việc, chị T có nói mấy câu thì anh L lại cáu gắt và đánh đập, cầm dao và vỏ trai bia chỉ vào mặt, de dọa giết nếu chị T đem con về bên ngoại sinh sống, bức xúc nên khoảng cuối tháng 9 năm 2017 chị T vẫn tự ý đưa con về bên ngoại sinh sống. Đến ngày 12/10/2017 chị T đưa con đến bệnh viện Đa Khoa Lạng Sơn khám bệnh cho con thì bắt gặp anh Ngô Đình L đang chăm sóc một người phụ nữ khác bị động thai, chị T có hỏi anh L về mối quan hệ của anh L và người phụ nữ đó thì anh L có nói " Ừ tao cặp bồ đấy, mày làm gì tao được, tao muốn bỏ mày lâu rồi chẳng qua con còn bé quá thôi", từ đó chị T quyết định sống ly thân với anh L. Sau đó đến ngày 13/10/2017 anh L đã đi theo một người bạn đến nhà bố mẹ chị T, chửi bới, bố, mẹ, họ hàng chị T và bế con về nuôi từ đó mặc dù con mới được 9 tháng tuổi và đang bú mẹ và cấm vận chị T không được đến gần con. Ngày 02/01/2018 sau khi được bố mẹ hai bên khuyên bảo chị T đến thăm con thì lại bị anh L túm tóc đánh đập (có giấy chứng nhận thương tích kèm theo). Đến nay chị T xác định tình cảm vợ chồng không còn nêu yêu cầu sớm được ly hôn với anh L.

Về con chung: Chị T và anh L có một người con chung tên Ngô Hải P, sinh ngày 12/02/2017. Hiện nay cháu P đang ở cùng anh L,việc chăm sóc con do mẹ anh L chăm sóc. Khi ly hôn chị yêu cầu được nuôi con vì cháu P còn rất nhỏ cần hơi ấm của mẹ, chị có điều kiện về chỗ ở được bố mẹ đẻ tạo điều kiện cho hai mẹ con ở cùng bố mẹ tại thôn B, xã H, huyện L, tỉnh Lạng Sơn (có đơn trình bày của bố ông Nông Văn T và mẹ bà Bế Thị N) chị có công việc bán hàng qua mạng mỗi tháng được 4.000.000đồng và làm ruộng, chăn nuôi sinh sống cùng bố mẹ, thu nhập mỗi tháng chị có thêm 2.000.000 đồng (có xác nhận của chính quyền địa phương), ngoài ra hiện nay chị T đang trong thời gian hưởng trở cấp thất nghiệp mỗi tháng 2.700.000 đồng theo quyết định số: 3867/QĐ-SLĐTBXH ngày 02/10/2017 của sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh Lạng Sơn (Thời gian hưởng trở cấp 06 tháng tính từ ngày 29/9/2017 đến ngày 28/3/2018). Điều kiện chăm sóc con chung hiện nay chị T có thời gian chăm sóc con chung, còn anh L làm nghề lái xe không có thời gian chăm con. Vì quyền lợi của con chị T

yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi con đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung: Trong thời gian sống chung với anh L chị có được cùng anh L đi gửi khoản tiền tiết kiệm 68.000.000 đồng, nhưng đã chi phí cho việc chăm sóc con chung và anh L đã dùng số tiền 4.000.000 đồng, nay chỉ còn 35.000.000 đồng nay đang gửi tại Ngân hàng thương mại cổ phần Công Thương Việt Nam thẻ tiết kiệm có kỳ hạn số No.CA 01295535. Nay chị T cho rằng khoản tiền gửi tiết kiệm nêu trên là của riêng chị và chị cũng không đồng ý chia cho anh L, về số tiền 35.000.000 đồng còn lại chị đồng ý chia với điều kiện giữ lại để trừ vào tiền cấp dưỡng nuôi con hàng tháng.

Về nợ chung: Hai vợ chồng có cho mẹ chị T là bà Bế Thị N vay số tiền 10 triệu đồng vào tháng 10 năm 2016, nguồn tiền lấy từ tiền lương của chị T đi làm công ty cho mẹ vay. Trước ngày xét xử mẹ chị T đã trả anh L số tiền là 5.000.000đồng, số tiền 5.000.000 đồng còn lại phần của chị chị không yêu cầu mẹ phải trả.

Bị đơn anh Ngô Đình L trình bày:

Về tình cảm: Về điều kiện kết hôn như chị T trình bày là đúng, về tình cảm anh L thừa nhận vợ chồng có việc cãi chửi nhau và thậm trí có lần anh L được đánh chị T, nhưng anh L không thừa nhận có quan hệ ngoại tình như chị T trình bày, ngược lại anh L cho rằng chính chị T mới là người không chung thủy với anh L được thể hiện qua các tin nhắn có trong sim điện thoại của chị T anh L in ra. Tại phiên tòa hôm nay anh L cho rằng đã hết tình cảm vợ chồng nên đồng ý ly hôn.

Về con chung: Có 01 con chung, họ tên và ngày tháng năm sinh của con như chị T trình bày là đúng. Trong trường hợp Tòa giải quyết ly hôn anh L yêu cầu được nuôi con và không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con vì lý do hiện nay chị T không có công ăn việc làm và không có nơi ở, không đủ điều kiện nuôi con.

Về tài sản chung: Hai vợ chồng có khoản tiết kiệm 70.000.000 đồng, anh đã chi trong đó số tiền 4.000,000 đồng nay còn lại 66.000.000 đồng hiện nay do chị T đang quản lý, anh L yêu cầu chia đôi số tiền cụ thể mỗi người là 33.000.000đồng.

Về nợ chung: Hai vợ chồng có cho mẹ chị T là bà Bế Thị N vay một khoản tiền là 10.000.000 đồng trong tháng 10 năm 2016 để bà N cưới vợ cho con, nay anh đã được bà Bế Thị N trả cho số tiền 5.000.000đồng, tại phiên tòa anh L rút yêu cầu cầu về việc đòi bà Bế Thị N phải trả hai vợ chồng khoản nợ này.

Tòa án tiến hành hòa giải 02 lần, lần thứ nhất vào ngày 14/12/2017, sau khi hòa giải anh L có cùng gia đình đến nhà chị T để động viên chị T về nhà anh L việc này được thể hiện tại (Văn bản ghi nhớ ngày 20/12/2017 do anh L cung cấp cho Tòa án) và được chị T và gia đình chị T thừa nhận tại phiên tòa. Sau đó

chị T chưa về nhà anh L ngay nhưng có đi lại thăm con, tuy nhiên trong lần thăm gặp con ngày 02/01/2018 thì chị T và anh L lại có việc cãi nhau dẫn đến anh L túm tóc và tát chị T, mẹ chồng phải can ngăn anh L mới thôi đánh, việc này anh L thừa nhận và chị T có Giấy chứng nhận thương tích số 08/CNTgT ngày 03/01/2018 của Trung tâm pháp y tỉnh Lạng Sơn; hòa giải lần hai vào ngày 16 tháng 01 năm 2018 nhưng không thành, chị T kiên quyết xin ly hôn, anh L yêu cầu đoàn tụ. Tại phiên tòa anh L đồng ý ly hôn vì cho rằng vợ chồng nay đã không còn tình cảm.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Bế Thị N trình bày: Trong tháng 10 năm 2016, bà N có vay của vợ chồng con gái là Nông Thị T và con rể Ngô Đình L số tiền 10.000.000đồng, nhưng là tiền của con gái bà làm công ty có được, tuy nhiên nay các con ly hôn con rể Ngô Đình L đòi thì bà sẽ trả cho L số tiền 5.000.000 đồng cụ thể bà đã trả cho L đủ số tiền 5.000.000 đồng trước khi mở phiên tòa.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn ông Nguyễn Trọng H- Luật sư - Văn phòng luật sư H thuộc đoàn luật sư tỉnh Lạng Sơn trình bày ý kiến bảo vệ quyền lợi cho anh Ngô Đình L:

- Về con chung: Đề nghị Tòa án giao cháu Ngô Hải P cho Ngô Đình L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi trưởng thành vì anh L có điều kiện nuôi con tốt hơn Nông Thị T.

- Về tài sản chung: Đề nghị Hội đồng chia đôi số tiền tiết kiệm hiện nay chị T đang quản lý là 66.000.000 đồng của hai vợ chồng, mỗi người 33.000.000 đồng vì đây là số tiền có trong thời kỳ hôn nhân còn tồn tại.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án. Kể từ khi thụ lý vụ án đến khi tranh luận tại phiên tòa Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự về trình tự, thủ tục giải quyết vụ án. Nguyên đơn, bị đơn chấp hành đúng quy định về việc viết bản tự khai, tham gia phiên tòa và cung cấp tài liệu, chứng cứ theo quy định.

Quan điểm về việc giải quyết vụ án: Về quan hệ hôn nhân đề nghị xử cho chị Nông Thị T được ly hôn anh Ngô Đình L; Về con chung đề nghị giao con cho chị Nông Thị T được quyền trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung Ngô Hải P vì cháu P dưới 36 tháng tuổi theo quy định khoản 3 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình con sẽ giao cho mẹ nuôi dưỡng. Anh Ngô Đình L có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi con đủ 18 tuổi; về tài sản chung đề nghị chia đôi số tiền còn lại trong sổ tiết kiệm 35.000.000 đồng; về nợ chung đề nghị Hội đồng chấp nhận việc rút yêu cầu của anh Ngô Đình L về viêc đòi bà Bế Thị N phải trả số tiền mà vợ chồng cho bà N vay 10.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Chị Nông Thị T và anh Ngô Đình L lấy nhau có đăng ký kết hôn nên anh chị có quan hệ hôn nhân hợp pháp và có yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, nuôi con chung, chia tài sản khi ly hôn nên xác định quan hệ tranh chấp là ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản khi ly hôn theo khoản 1, Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nông Thi T và anh Ngô Đình L kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có giấy chứng nhận đăng ký kết hôn do Ủy ban nhân dân xã G, huyện C, tỉnh Lạng Sơn cấp ngày 25/11/2015. Như vậy, quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh L là hôn nhân hợp pháp. Qua lời trình bày của hai bên tại phiên Tòa hôm nay cho thấy giữa hai anh chị không có sự thương yêu và tin tưởng nhau, không có sự quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, đã được hai bên gia đình khuyên bảo nhưng tình cảm vẫn không cải thiện. Đỉnh điểm là ngày 02/01/2018, mâu thuẫn gia đình càng trầm trọng khi anh L túm tóc và tát chị T trong khi chị T về nhà anh L để thăm con. Xét thấy tình cảm vợ chồng giữa chị T, anh L không thể hàn gắn, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được và tại phiên tòa hôm nay chính anh L cũng thừa nhận vợ chồng hết tình cảm và đồng ý ly hôn. Do vậy, chị T yêu cầu được ly hôn với anh L, Hội đồng xét xử xét thấy có căn cứ chấp nhận.

[3] Về con chung: Chị T và anh L có một người con chung là Ngô Hải P, sinh ngày 12/02/2017, hiện nay cháu P đang ở cùng anh L. Chị T yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị T trực tiếp nuôi con chung. Xét thấy cả chị T và anh L đều có nguyện vọng được nuôi con chung và cả hai đều có đủ điều kiện nuôi con, tuy nhiên hiện nay cháu Ngô Hải P dưới 36 tháng tuổi theo quy định khoản 3 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình thì con được giao cho mẹ trực tiếp nuôi. Do vậy Hôi đồng xét xử chấp nhận yêu cầu được nuôi con của chị T, nhận định này cùng phù hợp với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa. Về mức cấp dưỡng nuôi con chung, tại phiên tòa chị T không yêu cầu cụ thể mức cấp dưỡng là bao nhiêu. Anh L đồng ý cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng trong trường hợp Tòa án xử cho chị T nuôi con. Hội đồng xét xử căn cứ khả năng của anh L và vì quyền lợi của cháu P nên ghi nhận sự tự nguyện cấp dưỡng nuôi con của anh Ngô Đình L mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi cháu P đủ 18 tuổi.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Hội đồng xét xử nhận thấy hai vợ chồng không thỏa thuận được việc hai người có bao nhiêu tiền gửi tiết kiệm và cũng không thống nhất là tiền gửi tiết kiệm là của chung hay riêng ai, anh L yêu cầu chia đôi số tiền trong sổ tiết kiệm 70.000.000 đồng được trừ đi số tiền 4.000.000 đồng anh đã tiêu còn lại 66.000.000đồng. Chị T là người quản lý tiền khai có 68.000.000 đồng, đã chi tiêu chung cho gia đình nay chỉ còn trong sổ tiết kiệm chị quản lý hiện có 35.000.000 đồng, chị T không đồng ý chia đôi, nhưng lại cho rằng trong số tiền này có tiền bán vàng của vợ chồng và thừa nhận anh L có đưa cho chị T tiền hai lần, một lần 600.000 đồng và một lần 1.200.000 đồng.

Do vậy Hội đồng xét xử xác định không có căn cứ chấp nhận yêu cầu của bị đơn và người bảo vệ quyền lợi của bị đơn đưa ra đòi chia đôi số tiền 66.000.000 đồng trong số tiết kiệm do chị T quản lý. Chị T xuất trình sổ tiết kiệm chị T đang gửi tại Ngân hàng thương mại cổ phần Công thương Việt Nam chi nhánh huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn hiện còn 35.000.000đồng. Hội đồng xét xử thấy trong thời kỳ hôn nhân anh L và chị T có được cùng nhau gửi một khoản tiền tiết kiệm 68.000.000 đồng trong đó có tiền bán vàng của vợ chồng và tiền lương của chị T và anh L, nhưng sau đó hai vợ chồng đã rút ra chi tiêu cho gia đình cụ thể tại phiên tòa anh L thừa nhận có chi tiêu 4.000.000 đồng trong số tiền tiết kiệm và chị T có khai tại phiên tòa là có chi mua sắm cho con và sinh hoạt gia đình nay chỉ còn lại 35.000.000 đồng gửi tại Ngân hàng thương mại cổ phân Công thương Việt Nam chi nhánh huyện Lộc Bình. Do vậy Hội đồng xét xử xác định tài sản chung của vợ chồng có 35.000.000 đồng cần chia đôi, cụ thể mỗi người được chia 17.500.000đồng (Căn cứ khoản 3 Điều 33; khoản 2 Điều 59 Luật Hôn nhân và gia đình). Nay số tiền đang do chị T quản lý, chị T có nghĩa vụ rút tiền gửi để đưa cho anh L.

[5] Về nợ chung: Tại phiên tòa hôm nay anh Ngô Đình L rút yêu cầu về việc đòi bà Bế Thị N phải trả vợ chồng khoản tiền 10.000.000 đồng Hội đồng xét xử chấp nhận việc rút yêu cầu này của bị đơn và đình chỉ xét xử đối với yêu cầu của bị đơn đã rút (căn cứ khoản 1 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự).

[6] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; căn cứ điểm a, b khoản 5 Điều 27; điểm b khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chị Nông Thị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng; án phí dân sự có giá ngạch 875.000 đồng (5% của số tiền được chia 17.500.000đồng). Anh Ngô Đình L phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con là 300.000đồng và án phí dân sự có giá gạch là 875.000 đồng (5% của số tiền được chia 17.500.000đồng)

[7]. Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, Điều 56, khoản 3 Điều 81, Điều 82 và Điều 83; khoản 3 Điều 33; khoản 2 Điều 59 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 244; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 357 của Bộ luật dân sự.

Căn cứ điểm a, b khoản 5, điểm b khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nông Thị T. Xử cho chị Nông Thị T được ly hôn với anh Ngô Đình L.

2. Về con chung: Chị Nông Thị T được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung tên Ngô Hải P, sinh ngày 12/02/2017 cho đến khi đủ 18 tuổi. Anh Ngô Đình L có nghĩa vụ giao con cho chị Nông Thị T nuôi dưỡng theo quyết định của bản án.

Ghi nhận sự tự nguyện của anh Ngô Đình L trong việc cấp dưỡng nuôi con: Hàng tháng anh Ngô Đình L có nghĩa vụ đóng góp để chị Nông Thị T nuôi con số tiền là 2.000.000đ/tháng (hai triệu đồng trên tháng) kể từ ngày 30/01/2018 cho đến khi cháu P đủ 18 tuổi. Anh ngô Đình L có quyền đi lại thăm con không ai được cản chở.

3. Về tài sản chung: Chị Nông Thị T và anh Ngô Đình L mỗi người được chia 17.500.000 đ (mười bảy triệu năm trăm nghìn đồng) hiện có trong sổ tiết kiệm có kỳ hạn số No.CA 01295535 tại Ngân hàng thương mại cổ phần Công thương Việt Nam chi nhánh huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn mang tên chủ sở hữu Nông Thị T. Chị T có nghĩa vụ rút tiền về đưa cho anh L số tiền 17.500.000đồng.

4. Về nợ chung: Chấp nhận việc rút yêu cầu của bị đơn Ngô Đình L về việc yêu cầu bà Bế Thị N phải trả vợ chồng khoản tiền 10.000.000 đồng tại phiên tòa và đình chỉ xét xử đối với yêu cầu của bị đơn đã rút.

5. Về án phí**:** Chị Nông Thị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) và án phí dân sự có giá gạch là 875.000đ (tám trăm bảy mươi lăm nghìn đồng).Tổng cộng chị Nông Thị T phải chịu án phí sơ thẩm là 1.175.000đ (một triệu một trăm bảy mươi lăm nghìn đồng). Xác nhận chị T đã nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số AA/2012/05042, ngày 27/11/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn. Chị T phải nộp thêm số tiền án phí sơ thẩm là 875.000đ (tám trăm bảy mươi lăm nghìn đồng) để sung vào công quỹ Nhà nước.

Anh Ngô Đình L phải chịu án phí sơ thẩm dân sự có giá gạch là 875.000 đồng (tám trăm bảy mươi lăm nghìn đồng); án phí cấp dưỡng nuôi con là 300.000 đồng. Tổng cộng anh Ngô Đình L phải chịu án phí sơ thẩm là 1.175.000 đ (một triệu một trăm bảy mươi lăm nghìn đồng). Xác nhận anh Ngô Đình L đã nộp số tiền 1.000.000đồng theo biên lai thu số: AA/2012/05057 ngày 02/01/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn. Anh L còn phải nộp thêm số tiền án phí sơ thẩm là 175.000đ (một trăm bảy mươi lăm nghìn đồng) để sung vào công quỹ Nhà nước.

Kể từ ngày án có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành án bên có nghĩa vụ trả tiền chập trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên, nếu không thỏa thuân được thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 648 của Bộ luật dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan. Báo cho các đương sự biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND huyện Cao Lộc;
- THADS huyện Cao Lộc;
- Các đương sự;
- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự;
- UBND xã G, huyện C; tỉnh Lạng Sơn;
- Lưu hồ sơ.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Bạch Ánh Tuyết